

Trường Tiểu Học Fryberger

Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học

Báo cáo Dựa trên Dữ liệu từ Năm học 2017 – 18

Công bố Trong Năm 2018 – 19

Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (School Accountability Report Card – SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ Kiểm soát Địa phương (Local Control Funding Formula – LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (Local Educational Agencies – LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (Local Control and Accountability Plan – LCAP) mô tả phương thức các trường dự định sẽ đạt được các mục tiêu hàng năm cụ thể của trường cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu SARC, xem Trang Mạng về SARC thuộc Sở Giáo dục California (California Department of Education – CDE) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

DataQuest

DataQuest là một công cụ trực tuyến trên trang Mạng DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng trạm máy (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên trạm máy, và khả năng in tài liệu.

Giới thiệu về Trường

Thông tin Liên hệ (Năm học 2018 – 19)

Thông tin Liên hệ của Nhà trường	
Tên Trường	Trường Tiểu Học Fryberger
Đường	6952 Hood Dr.
Thành phố, Tiểu	Westminster, CA 92683
Số điện thoại	(714) 894-7237
Hiệu trưởng	Michelle Scheiber
Địa chỉ E-mail	mscheiber@wsdk8.us
Web Site	http://fryberger.wsd8.us/
Mã Học khu của	30667466030787

Thông tin Liên hệ của Học khu	
Tên Học khu	Học Khu Tiểu Học Westminster
Số điện thoại	(714) 894-7311
Giám đốc Học khu	Sheri Loewenstein, Interim
Địa chỉ E-mail	turbaniec@wstk8.us
Web Site	http://www.wstk8.us/

Mô tả Trường học và Bản Tuyên bố Sứ mệnh (Năm học 2018 – 19)

Thông điệp của Hiệu trưởng

Chào mừng quý vị đến với Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Nhà Trường (SARC) hàng năm dành cho Trường Tiểu Học Fryberger. Cảm ơn quý vị đã dành thời gian tìm hiểu. Fryberger rất tự hào về các học sinh và nhân viên của mình và lấy làm vinh dự khi có thể chia sẻ một số thông tin về nhà trường với quý vị.

Trường Tiểu Học Fryberger là một Cộng Đồng Học Tập Chuyên Nghiệp, chúng tôi cố gắng gây ảnh hưởng tích cực đến kết quả của học sinh thông qua mọi nỗ lực của nhà trường.

Nhà trường tập trung nâng cao thành tích học tập của học sinh đồng thời nuôi dưỡng sự phát triển đầy đủ về tình cảm và xã hội cho các em. Duy trì mối quan hệ đối tác với học sinh, gia đình và cộng đồng, tầm nhìn của Fryberger là giúp học sinh bay cao để đạt được ước mơ của mình, trở thành những công dân hữu ích và xây dựng một cộng đồng học tập dựa trên sự tự tìm tòi khám phá. Cơ sở vật chất đầy đủ và hấp dẫn của trường tạo điều kiện tốt cho việc học. Mục đích của cộng đồng giáo dục của chúng tôi là nâng cao năng lực của học sinh để chuẩn bị cho các em bước vào thế giới toàn cầu nhờ chương trình nghiêm ngặt trong môi trường an toàn và nuôi dưỡng.

Trường Fryberger tự hào về cam kết tích cực thu hút học sinh tham gia các hoạt động học tập có ý nghĩa mọi lúc. Chúng tôi sử dụng các chương trình sau cho tất cả các lớp từ tiền mẫu giáo (TK) đến lớp 5 để cung cấp những trải nghiệm học tập quan trọng cho các em. Ngoài chương trình giảng dạy cốt lõi, học sinh Fryberger được hưởng một nền giáo dục công nghệ mạnh mẽ. Mỗi học sinh từ lớp 1-5 có một thiết bị điện tử và học sinh lớp TK-1 được tham gia nhiều hoạt động khác nhau trong phòng máy tính của nhà trường. Nhà trường có chương trình nâng cao như Giáo Dục Năng Khiếu và Tài Năng (GATE), dạy theo từng đối tượng học sinh nhằm hỗ trợ học sinh học theo đúng trình độ của mình. Tất cả học sinh sử dụng chương trình ST Math và học sinh từ lớp 1 – 5 sử dụng chương trình Accelerated Reader.

Chúng tôi có Hội Phụ huynh Giáo viên (PTA) rất năng động và thường xuyên mời tất cả phụ huynh đến trường làm tình nguyện viên thông qua rất nhiều chương trình.

Giáo viên có trình độ cao, tâm huyết, tuân thủ cam kết tại Fryberger giúp khích lệ học sinh thích nghi tốt với những thách thức của công nghệ tiên tiến, xã hội toàn cầu hóa luôn thay đổi và định hình trong các em nỗ lực học tập suốt đời. Để biết thêm thông tin về Fryberger và/hoặc các cơ hội tham gia, xin vui lòng liên lạc với văn phòng chúng tôi; tôi sẽ rất hân hạnh được trò chuyện với quý vị.

Cô Scheiber, Hiệu trưởng

Mô Tả Sơ Lược về Nhà Trường & Cộng Đồng

Học Khu Westminster nằm cách Los Angeles 35 dặm về phía đông nam, tại thành phố Westminster, California, trong Quận Cam xinh đẹp. Các công ty kinh doanh bất động sản, các doanh nghiệp tự doanh, công ty tiếp thị và một loạt các tổ chức trong khu vực tư và công đã và đang làm giàu cho nền kinh tế địa phương. Học khu phục vụ các lớp từ mẫu giáo đến lớp tám tại khu vực Westminster cũng như các cộng đồng xung quanh Garden Grove, Huntington Beach và Midway City. Học khu có 07 trường tiểu học K- 5, 06 trường tiểu học K-6, và 03 trường trung học cơ sở.

Trường Tiểu học Fryberger nằm tại Westminster, trong bối cảnh thành phố sống động và hoạt động theo lịch học thông thường. Vào đầu năm học 2017-2018, 433 học sinh đăng ký theo học tại Trường Tiểu học Fryberger. Cấu trúc nhân khẩu học về học sinh được minh họa trong biểu đồ sau.

Học sinh Ghi danh theo Cấp lớp (Năm Học 2017 – 18)

Cấp Lớp	Số Học sinh
Mẫu giáo	80
Lớp 1	69
Lớp 2	67
Lớp 3	61
Lớp 4	70
Lớp 5	86
Tổng Ghi danh	433

Học sinh Ghi danh theo Nhóm Học sinh (Năm Học 2017 – 18)

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	0.5
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska	0.2
Người gốc Châu Á	26.6
Người Phi Luật Tân	1.4
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	58.4
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	0.5
Người Da trắng	8.5
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	79.9
Người học tiếng Anh	42.7
Học sinh Khuyết tật	10.6
Thanh thiếu niên Được Chăm sóc bởi	0.7

A. Điều kiện Học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

Bằng cấp Chứng nhận của Giáo viên

Giáo viên	Trường			Học khu
	2016 – 17	2017 – 18	2018 – 19	2018 – 19
Có Đầy đủ Bằng cấp Chứng nhận	22	22	20	390
Không có Đầy đủ Bằng cấp Chứng nhận	0	0	0	0
Giảng dạy Ngoài Lĩnh vực Môn học Chuyên ngành (có đầy đủ	0	0	0	0

Phân công Giáo viên Trái phép và Các Vị trí Giáo viên Còn Trống

Chỉ báo	2016 – 17	2017 – 18	2018 – 19
Trường hợp Phân công Giáo viên Trái phép cho Người học	0	0	0
Tổng số Các Trường hợp Phân công Giáo viên Trái phép*	0	0	0
Các Vị trí Giáo viên Còn Trống	0	0	0

Ghi chú: “Phân công trái phép” nói đến số vị trí được điền khuyết bởi giáo viên thiếu thẩm quyền hợp pháp để dạy cấp lớp, môn học, nhóm học sinh đó, v.v.

* Tổng số Các Trường hợp Phân công Giáo viên Trái phép bao gồm cả số Trường hợp Phân công Giáo viên Trái phép cho Người học tiếng Anh.

Chất Lượng, Tình Trạng Cập Nhật, Tình Trạng Sẵn Có Của Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy (Năm Học 2018 – 19)

Tháng, năm thu thập dữ liệu: 10/11/2018

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, Học Khu Westminster đã tổ chức một buổi Điều Trần Công Khai và quyết định mỗi trường trong học khu sẽ có đầy đủ sách giáo khoa có chất lượng tốt, tài liệu giảng dạy hoặc thiết bị phòng thí nghiệm khoa học theo đúng thỏa thuận của Williams với Tiểu Bang California. Sách giáo khoa các môn học chính và tài liệu giảng dạy được cung cấp cho mỗi học sinh, bao gồm Người Học Tiếng Anh (ELs).

Sách giáo khoa và tài liệu theo đúng tiêu chuẩn được giữ gìn để sử dụng cả trong lớp học cũng như ở nhà. Tất cả sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy được sử dụng trong nhà trường đều tuân theo Tiêu Chuẩn Khung của Tiểu Bang California, Hội Đồng Giáo Dục Tiểu Bang và Học Khu.

Học Khu Westminster tích cực tham gia vào quá trình lựa chọn tài liệu và sách giáo khoa. Quá trình lựa chọn này có sự tham gia của các giáo viên, quản trị viên, nhân viên hỗ trợ của học khu và phụ huynh. Học khu tuân theo Chu Kỳ Chấp Thuận Sách Giáo Khoa của Tiểu Bang California, yêu cầu các trường phải xem xét lại sách giáo khoa ở mỗi môn học theo chu kỳ bảy năm; sách giáo khoa được thay thế với tỷ lệ một môn học mỗi năm. Trong bảng là thông tin về danh sách các sách giáo khoa được sử dụng gần đây nhất theo từng môn học trong chương trình giảng dạy cốt lõi của nhà trường kể từ tháng 10 năm 2018.

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/ Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
Độc/Văn Chương	McGraw-Hill World of Wonders (Từ Ngữ Kỳ Diệu) / 2017 McGraw-Hill World of Wonders (Từ Ngữ Kỳ Diệu) với ELD Tích Hợp / 2017 Scholastic Read 180/System 44 / 2011	Có	0
Toán	McGraw-Hill (My Math-Toán Học Của Tôi) / 2016	Có	0
Khoa học	Scott Foresman Science (Khoa Học Scott Foresman)/ 2008	Có	0
Lịch Sử – Khoa Học Xã Hội	Houghton Mifflin Social Studies (Nghiên Cứu Xã Hội) / 2007	Có	0
Nghệ thuật Hình Ảnh và Trình Diễn	MacMillan McGraw Hill (Tiêu Điểm Âm Nhạc California) / 2009	Có	0

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến (Năm Gần nhất)

Trường Tiểu Học Fryberger cung cấp một khuôn viên an toàn và đảm bảo cho học sinh, đội ngũ nhân viên và khách thăm. Trường được xây dựng vào năm 1964, được liên tục sửa chữa và hoàn thiện về vật chất, đủ không gian cho học sinh và giáo viên. Trường Tiểu Học Fryberger có một khu vực dành cho trẻ mẫu giáo, trung tâm truyền thông thư viện, phòng máy tính, phòng đa năng lớn và 27 phòng học. Nhà trường cũng có một sân chơi rộng rãi có xích đu, cầu trượt và xà tập thể dục, cũng như các sân cỏ để học sinh chạy nhảy, chơi thể thao và chơi trò chơi. Nhà trường đã có thêm rạp kỹ thuật số mới và mở rộng bãi đậu xe cho nhân viên/cộng đồng.

Kế Hoạch An Toàn Trường Học Toàn Diện được cập nhật hàng năm để đảm bảo sự bảo vệ an toàn cho học sinh và nhân viên. Tất cả nhân viên đều có bản kế hoạch và hàng năm tham gia các ngày đào tạo tại chức về chính sách an toàn trường học. Học sinh được giáo viên và nhân viên phân cấp theo dõi trong suốt cả ngày học. Trường có khu vực đón trả học sinh riêng. Khách ghé thăm cần đăng ký ở văn phòng và nhận cũng như đeo thẻ khách mọi lúc khi ở trường.

Nhà trường tuân thủ tất cả các luật lệ, quy tắc và quy định liên quan đến các tiêu chuẩn về nguyên vật liệu nguy hiểm và động đất tại tiểu bang. Diễn tập chuẩn bị ứng phó với động đất và hỏa hoạn được tổ chức thường xuyên. Trong trường hợp khẩn cấp, Kế Hoạch Chuẩn Bị Sẵn Sàng Cho Thảm Họa (Disaster Preparedness Plan) của nhà trường xác định rõ ràng các quy trình cần áp dụng trong các tình huống khủng hoảng và luôn sẵn có nguồn tiếp liệu trong trường hợp khẩn cấp.

Tình trạng Sửa chữa cho Trường học (Năm Gần nhất)

Sử dụng dữ liệu Công cụ Kiểm tra Cơ sở (FIT) (hoặc tương đương) được thu thập gần đây nhất để cung cấp thông tin sau đây:

- Xác định tình trạng sửa chữa của các hệ thống được nêu
- Mô tả bất kỳ bảo trì nào cần thực hiện để đảm bảo tình trạng sử dụng tốt
- Tháng, năm thu thập dữ liệu
- Đánh giá tổng quát

Tình trạng Sửa chữa cho Trường học (Năm Gần nhất) Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: 9/12/2018		
Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tình trạng Sửa chữa	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
Hệ thống: Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cổng rãnh	Không Tốt	
Bên trong: Các Bề Mặt Bên trong	Tốt	
Sự Sạch Sẽ: Sự Sạch Sẽ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	Tốt	Sóc đào nhiều hố khắp sân chơi của các lớp lớn.
Điện: Điện	Tốt	
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	Tốt	
Sự An Toàn: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	Tốt	
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	Tốt	
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	Tốt	

Đánh Giá Tổng quát dành cho Cơ Sở

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: 9/12/2018	
Đánh giá Tổng quát	Bình thường

B. Kết Quả Học Tập của Học Sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

- **Thẩm định trên toàn tiểu bang** (tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng); và
- Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khóa kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (ELA) và Môn Toán cho Tất Cả Các Học Sinh Lớp 3 đến lớp 8 và Lớp 11

Môn học	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng hoặc Vượt Qua Các Tiêu Chuẩn Của Tiểu Bang (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11)					
	Trường		Học khu		Tiểu bang	
	2016 – 17	2017 – 18	2016 – 17	2017 – 18	2016 – 17	2017 – 18
Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11)	47.0	54.0	55.0	57.0	48.0	50.0
Toán (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11)	42.0	49.0	52.0	53.0	37.0	38.0

Ghi chú: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh Lớp 3 đến Lớp 8 và Lớp 11 (Năm Học 2017 – 18)

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Học sinh Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Tất cả Học sinh	214	211	98.60	54.03
Nam	115	113	98.26	53.98
Nữ	99	98	98.99	54.08
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	66	64	96.97	79.69
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	122	121	99.18	41.32
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--
Người Da trắng	15	15	100.00	46.67
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	--	--	--	--
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	164	161	98.17	45.96
Người học tiếng Anh	137	134	97.81	52.24
Học sinh Khuyết tật	17	17	100.00	41.18
Thanh thiếu niên Được Chăm sóc bởi Giám hộ	--	--	--	--

Ghi chú: Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Ghi chú: Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Môn Toán theo Nhóm Học Sinh Lớp 3 đến Lớp 8 và Lớp 11 (Năm Học 2017 – 18)

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Tất cả Học sinh	214	214	100	48.6
Nam	115	115	100	53.04
Nữ	99	99	100	43.43
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	66	66	100	77.27
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	122	122	100	34.43
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--
Người Da trắng	15	15	100	46.67
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	--	--	--	--
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	164	164	100	39.63
Người học tiếng Anh	137	137	100	45.26
Học sinh Khuyết tật	17	17	100	35.29
Thanh thiếu niên Được Chăm sóc bởi Giám hộ	--	--	--	--

Ghi chú: Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Ghi chú: Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh Lớp 5, 8 và 10

Môn học	Phần Trăm Học Sinh Đạt Điểm ở Mức Khá hoặc Giỏi					
	Trường		Học khu		Tiểu bang	
	2016 – 17	2017 – 18	2016 – 17	2017 – 18	2016 – 17	2017 – 18
Khoa học (lớp 5, lớp 8 và lớp 10)	Không có	Không có	Không có	Không có	Không có	Không có

Ghi chú: Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Ghi chú: Không có sẵn dữ liệu 2016 – 17, và 2017 – 18. Sở Giáo Dục California đang phát triển một thăm định khoa học mới dựa trên Tiêu chuẩn Khoa học Thế hệ Mới cho Trường Công California (CA NGSS). Kiểm tra Khoa học California (CAST) mới được thi điểm vào mùa xuân năm 2017 và thi thật vào mùa xuân năm 2018. CAST sẽ được quản lý hoạt động trong suốt năm học 2018 – 19. CAA cho môn Khoa học sẽ được thi điểm trong hai năm (tức là 2016 – 17 và 2017 – 18); còn CAA cho môn Khoa học sẽ được triển khai thi vào năm 2018 – 19.

Ghi chú: Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm CAST và CAA cho môn Khoa học. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của CAST cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Chương Trình Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề Nghiệp (Năm Học 2017 – 18)

Tham gia Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề Nghiệp (Năm Học 2017 – 18)

Tiêu chuẩn Đo lường	Tham gia Chương trình Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp (CTE)
Số Học Sinh Tham Gia CTE	
Phần trăm học sinh hoàn tất một Chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	
Phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa trường học và các cơ sở giáo	

Các khóa học để vào Trường Đại Học California (University of California – UC) và/hoặc Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University – CSU)

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần trăm
Các Học sinh Năm học 2017 – 18 Ghi danh vào Các Khóa học Bắt buộc để Vào UC/CSU	0.0
Các Học sinh Tốt nghiệp Năm học 2016 – 17 Đã Hoàn thành Tất cả Các Khóa học Bắt buộc	

Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8):

- Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

Kết Quả Kiểm Tra Sức Khỏe Thân Thể California (Năm Học 2017 – 18)

Cấp Lớp	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng Tiêu Chuẩn Sức Khỏe		
	Bốn trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức	Năm trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức	Sáu trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức
5	16.5	32.9	12.9

Ghi chú: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3):

- Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

Cơ Hội Tham Gia cho Phụ Huynh (Năm Học 2018 – 19)

Học Khu Fryberger nhận thấy được mối tương quan tích cực giữa sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng với sự thành công của học sinh. Chúng tôi khuyến khích phụ huynh và các thành viên cộng đồng tham gia cùng các giáo viên và quản trị viên học khu trong nhiều hoạt động, chương trình và tổ chức hỗ trợ học sinh. Nhiều chương trình và các hoạt động được làm phong phú bởi những đóng góp hào tâm của các nguồn lực sau đây: Hội Đồng Học Sinh, Hội Đồng Nhà Trường, Tình Nguyện Viên Phụ Huynh và Cộng Đồng và Hội Phụ Huynh Giáo Viên (PTA).

Các cuộc họp của trường và khu học liên quan đến LCAP được dán thông báo và tất cả mọi người được mời tham gia vào quá trình ra quyết định.

Trường Tiểu Học Fryberger khuyến khích tất cả phụ huynh tham gia cùng với nhà trường. Các cuộc họp phụ huynh, Ngày mở cửa trường học (Open House), các sự kiện Đêm tựu trường (Back-to-School) được tổ chức để chào mừng phụ huynh, thu thập ý kiến đóng góp và giải đáp thắc mắc. Nhà trường cũng có Hiệp Hội Phụ Huynh Giáo Viên (PTA) hoạt động tích cực và xuất bản bản tin hàng tháng để cung cấp cho phụ huynh những thông tin cập nhật về các lớp học của trường. Phụ huynh được khuyến khích đặt lịch hẹn với giáo viên chủ nhiệm nếu có bất kỳ câu hỏi nào.

Cha mẹ có thể đăng ký nhận tin nhắn về các sự kiện của trường qua điện thoại.

Có rất nhiều cơ hội làm tình nguyện viên tại trường Fryberger, chúng tôi luôn khuyến khích và hoan nghênh sự tham gia.

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ bỏ học trung học; và
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học.

Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trường			Học khu			Tiểu bang		
	2014 – 15	2015 – 16	2016 – 17	2014 – 15	2015 – 16	2016 – 17	2014 – 15	2015 – 16	2016 – 17
Tỷ Lệ Bỏ Học							10.7	9.7	9.1
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp							82.3	83.8	82.7

Để xem công thức tính toán tỷ lệ đoàn hệ được điều chỉnh cho năm 2016 – 17, hãy xem tài liệu Các Định Nghĩa Trong Thành Phần Dữ Liệu Năm 2017 – 18 trên trang mạng của SARC tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.

Hoàn Thành Các Yêu Cầu Tốt Nghiệp Trung Học – Khóa Tốt Nghiệp năm 2017 (Tỷ Lệ Một Năm)

Học sinh	Khóa Tốt nghiệp Năm 2017		
	Trường	Học khu	Tiểu bang

Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

Đình Chỉ và Đuổi Học

Tỷ lệ	Trường			Học khu			Tiểu bang		
	2015 – 16	2016 – 17	2017 – 18	2015 – 16	2016 – 17	2017 – 18	2015 – 16	2016 – 17	2017 – 18
Đình chỉ	2.6	3.3	0.9	2.6	2.9	3.2	3.7	3.7	3.5
Đuổi học	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.1	0.1	0.1

Kế Hoạch An Toàn Trường Học (Năm Học 2018 – 19)

Trường Tiểu Học Fryberger cung cấp một khuôn viên an toàn và đảm bảo cho học sinh, đội ngũ nhân viên và khách thăm. Trường được xây dựng vào năm 1964, được liên tục sửa chữa và hoàn thiện về vật chất, đủ không gian cho học sinh và giáo viên. Trường Tiểu Học Fryberger có một khu vực dành cho trẻ mẫu giáo, trung tâm truyền thông thư viện, phòng máy tính, phòng đa năng lớn và 27 phòng học. Nhà trường cũng có một sân chơi rộng rãi có xích đu, cầu trượt và xà tập thể dục, cũng như các sân cỏ để học sinh chạy nhảy, chơi thể thao và chơi trò chơi. Nhà trường đã có thêm rạp kỹ thuật số mới và mở rộng bãi đậu xe cho nhân viên/cộng đồng.

Kế Hoạch An Toàn Trường Học Toàn Diện được cập nhật hàng năm để đảm bảo sự bảo vệ an toàn cho học sinh và nhân viên. Tất cả nhân viên đều có bản kế hoạch và hàng năm tham gia các ngày đào tạo tại chức về chính sách an toàn trường học. Học sinh được giáo viên và nhân viên phân cấp theo dõi trong suốt cả ngày học. Trường có khu vực đón trả học sinh riêng. Khách ghé thăm cần đăng ký ở văn phòng và nhận cũng như đeo thẻ khách mọi lúc khi ở trường.

Nhà trường tuân thủ tất cả các luật lệ, quy tắc và quy định liên quan đến các tiêu chuẩn về nguyên vật liệu nguy hiểm và động đất tại tiểu bang. Diễn tập chuẩn bị ứng phó với động đất và hỏa hoạn được tổ chức thường xuyên. Trong trường hợp khẩn cấp, Kế Hoạch Chuẩn Bị Sẵn Sàng Cho Thảm Họa (Disaster Preparedness Plan) của nhà trường xác định rõ ràng các quy trình cần áp dụng trong các tình huống khủng hoảng và luôn sẵn có nguồn tiếp liệu trong trường hợp khẩn cấp.

D. Thông Tin Khác của SARC

Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.

Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh (Tiểu Học)

Cấp Lớp	2015 – 16				2016 – 17				2017 – 18			
	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số Lớp			Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số Lớp			Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số Lớp		
		1 – 20	21 – 32	33+		1 – 20	21 – 32	33+		1 – 20	21 – 32	33+
Mẫu giáo	20	2	3		18	2	3		20	2	2	
1	20	2	1		24		3		22		3	
2	25		3		26		2		21	1	2	
3	28		3		27		3		30		2	
4	31		2		34			2	34		1	1
5	22	1	3		27	1	1	2	23	1	3	
Các Lớp Khác									7	1		

Số lớp cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp).

** Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh (Trung Học Cơ Sở)

Môn học	2015 – 16			2016 – 17			2017 – 18					
	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp			Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp			Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp		
		1 – 22	23 – 32	33+		1 – 22	23 – 32	33+		1 – 22	23 – 32	33+
Tiếng Anh												
Toán												
Khoa học												
Khoa học Xã hội												

Ghi chú: Số lớp cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Cố Vấn Học Tập và Nhân Viên Hỗ Trợ Khác (Năm Học 2017 – 18)

Chức Danh	Số FTE Được phân cho Trường	Số Học Sinh Trung Bình trên mỗi Cố Vấn Học Tập
Cố Vấn Học Tập	0.2	2000
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề)	0	Không có thông tin
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	0.0	Không có thông tin
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán	0.8	Không có thông tin
Nhà Tâm Lý Học	0.2	Không có thông tin
Nhân Viên Xã Hội	0.0	Không có thông tin
Y Tá	0.2	Không có thông tin
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	0.5	Không có thông tin
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	1.0	Không có thông tin
Các Chức Danh Khác	0.0	Không có thông tin

Ghi chú: Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

* Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh và Lương của Giáo Viên tại Địa Điểm Trường (Năm Tài Khóa 2016 – 17)

Lớp	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh			Lương Trung bình Của Giáo Viên
	Tổng	Bổ Sung/ Giới Hạn	Cơ Bản/ Không Giới Hạn	
Địa Điểm Trường	\$6,159	\$823	\$5,765	92,819
Học Khu	Không có thông tin	Không có thông tin	\$5,801	\$89,129
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-0.6	4.1
Tiểu Bang	Không có thông tin	Không có thông tin	\$7,125	\$80,910
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-21.1	13.7

Ghi chú: Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Sở Giáo dục California đã ban hành hướng dẫn cho LEA vào ngày 1 tháng Tám năm 2018, liên quan đến cách tính chi phí cho mỗi học sinh cấp trường sẽ được báo cáo trong phiếu báo cáo 2018 – 19.

Các Loại Dịch Vụ được Tài Trợ (Năm Tài Khóa 2017 – 18)

- Liên bang, ECIA/ESEA/IASA
- Liên bang, Giáo dục đặc biệt, Quyền lợi theo UDC
- Liên bang, Giáo dục đặc biệt, Trợ Cấp Tùy chọn
- Liên bang, Quỹ Phòng Chống Ma Túy/Rượu/Thuốc Lá
- Liên bang, Hợp Đồng Liên Cơ Quan
- Kế Hoạch Tổng Thể về Giáo Dục Đặc Biệt - Năm Nay
- Quỹ tài trợ có giám sát của địa phương
- Đưa đón học sinh theo chương trình Giáo dục đặc biệt
- Quỹ trợ Cấp Hỗ Trợ Công Nghệ Giáo Dục
- Quỹ McKinney-Vento Grant

Lương Giáo Viên và Nhân Viên Hành Chính (Năm Tài Khóa 2016 – 17)

Hạng mục	Số Tiền của Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$42,974	\$50,084
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$85,655	\$80,256
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$108,563	\$100,154
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$126,489	\$125,899
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$130,401	\$130,255
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$0	\$128,660
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$257,428	\$222,447
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	41.0	37.0
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	5.0	5.0

Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Các Khóa Học Nâng Cao (Advanced Placement – AP) (Năm Học 2017 – 18)

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp*	Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các
Khoa Học Máy Tính	0	Không có thông tin
Tiếng Anh	0	Không có thông tin
Mỹ thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn	0	Không có thông tin
Ngoại ngữ	0	Không có thông tin
Toán	0	Không có thông tin
Khoa học	0	Không có thông tin
Khoa học Xã hội	0	Không có thông tin
Tất Cả Các Khóa Học	0	.0

Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

* Trường hợp có tối thiểu một học sinh đăng ký khóa học.

Phát Triển Chuyên Môn (Trong Ba Năm Gần Nhất)

Hàng năm có hai ngày tập huấn chuyên môn cho nhân viên học khu, nhân viên có chứng chỉ và nhân viên làm việc theo giờ. Chủ đề cho những buổi tập huấn này được xác định bởi trọng tâm của học khu trong các lĩnh vực như an toàn, áp dụng chương trình giảng dạy và hỗ trợ giảng dạy cũng như sự góp ý của giáo viên cho các phiên tập huấn “voice and choice” (tiếng nói và sự lựa chọn) được điều chỉnh theo nhu cầu riêng như hỗ trợ cảm xúc-xã hội và đánh giá nhân viên. Ngoài ra, học khu cũng có thời gian nghỉ dạy hàng tháng để các nhóm chuyên môn làm việc và học hỏi cùng nhau. Những nhân viên có chứng chỉ cũng tham gia vào các buổi phát triển chuyên môn hai tháng một lần vào thứ Tư với nhóm cộng đồng học tập chuyên nghiệp hoặc các phiên tập huấn chuyên nghiệp có định hướng. Các chuyên gia hỗ trợ giảng dạy thực hiện kèm cặp trong lớp học và phát triển chuyên môn, diễn ra trong suốt năm học. Nhân viên học khu cũng tham dự các hội thảo và tập huấn bên ngoài được xác định theo trường như can thiệp và hỗ trợ về hành vi, tập huấn AVID, hội thảo về đọc và viết, hội thảo về công nghệ và hội thảo GATE.